

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỈNH GIA  
TỈNH THANH KÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/7/2018  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH KÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bắc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Học và bà Lê Thị Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Kóa

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 25/7/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị H** - Sinh năm: 1984

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Kóa

Nơi ở hiện nay: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Kóa

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Ngọc K** - Sinh năm: 1978

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Kóa

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị H đều thống nhất trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Ngọc K tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 23/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Kóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến không có hạnh phúc. Từ tháng 10 năm 2014, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh K.

*Về con chung:* Chị H và anh K có hai con chung là: Nguyễn Ngọc A – Sinh ngày 22/9/2008 và Nguyễn Lê Thu U – Sinh ngày 04/01/2011. Nguyện vọng của chị xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản:* Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia phát biểu quan điểm:*

Đề nghị áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Xử cho chị H được ly hôn anh K. Giao cả cháu A và cháu U cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản nên không đề nghị xem xét. Buộc chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Anh K đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên cư trú tại Thôn Đ, xã T, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho anh K nhưng anh K không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H, không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh K nhưng anh K cũng không tham gia phiên tòa. Theo Biên bản xác minh ngày 17/4/2018: Anh K hiện tại không có mặt tại địa phương, anh K đi đâu, làm gì không rõ, thời gian anh K đi khỏi địa phương từ khoảng đầu tháng 4 năm 2018. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về hôn nhân:** Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh chị sinh sống. Theo biên bản xác minh ngày 17/4/2018, được biết: Từ năm 2014 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng chị H và anh K không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H được ly hôn đối với anh K.

**[3] Về con chung:** Chị H và anh K có hai con chung là: Nguyễn Ngọc A – Sinh ngày 22/9/2008 và Nguyễn Lê Thu U – Sinh ngày 04/01/2011.

Chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai con. Xét thấy cháu A và cháu U đều trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ. Vì vậy cần phải áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét nguyện vọng cũng như quyền lợi về mọi mặt của các cháu để giao cả cháu A và cháu U cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Do đó hội đồng xét xử không xét.

**[4] Về tài sản:** Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

**[5] Về án phí:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án, buộc chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án,

- Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H. Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc K.

- Về Con chung: Chị H và anh K có hai con chung là:

+ Nguyễn Ngọc A – Sinh ngày: 22/9/2008

+ Nguyễn Lê Thu U – Sinh ngày: 04/01/2011

Giao cả cháu A và cháu U cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002489 ngày 14/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị H, vắng mặt anh K. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã T;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- TAND tỉnh Thanh Kóa;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Bắc**